

Số: 293 /QĐ-CTHADS

Thái Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**  
**của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình**

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình,

**QUYẾT ĐỊNH:**

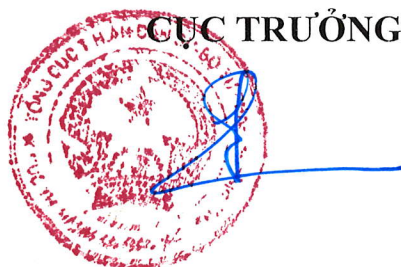
**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh văn phòng và các đơn vị trực thuộc có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục THAS (để b/c);
- Vụ KHTC-TCTHADS (để b/c);
- THADS các huyện, Thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VP, KT.



**Lê Thanh Tình**

1907

1908

1909

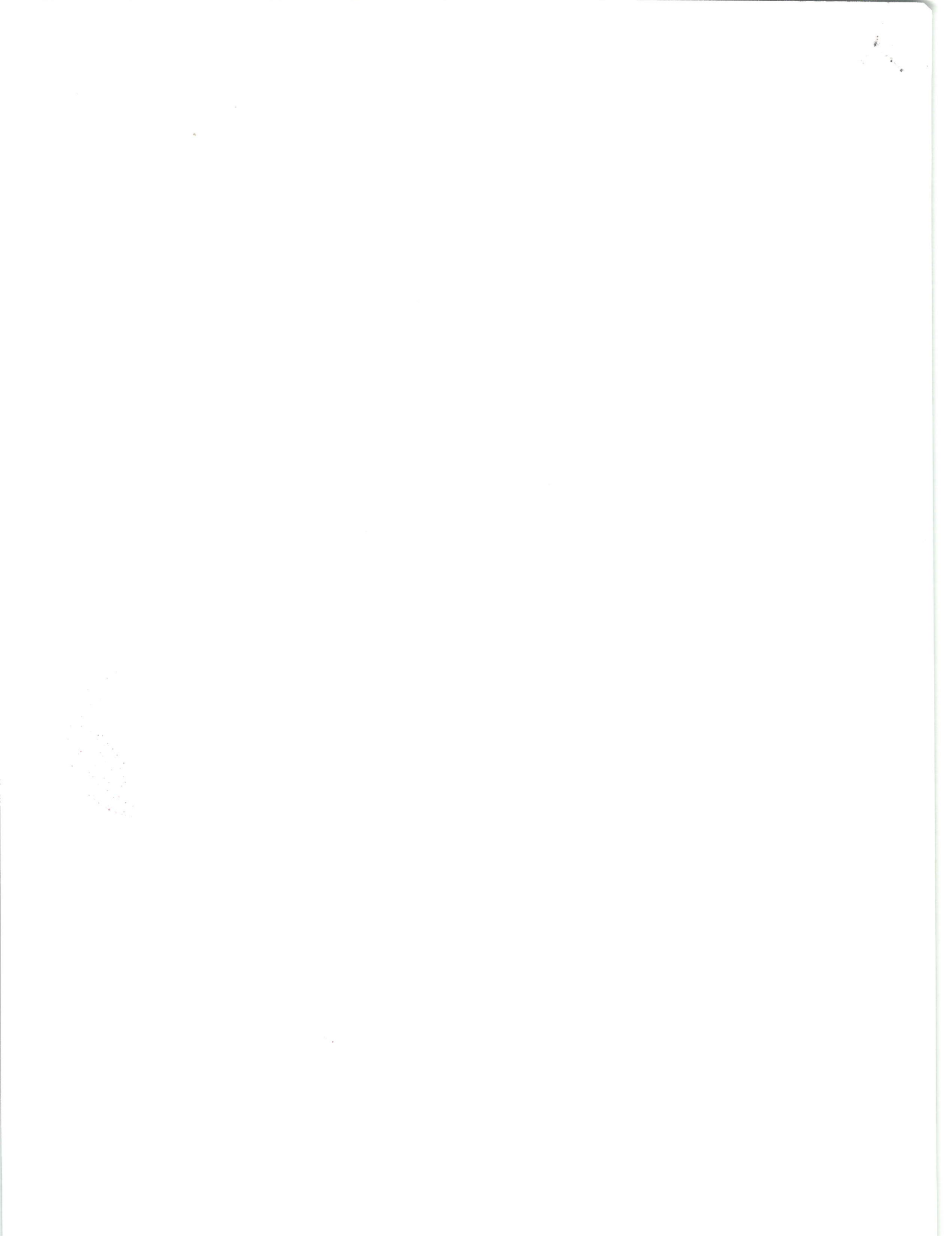
[illegible]



[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Cục tỉnh	Thành Phố	Vũ Thư	Kiến Xương	Tiền Hải	Đông Hưng	Hưng Hà	Quỳnh Phụ	Thái Thụy
7.1	Dự án A											
7.2	Dự án B											
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin											
8.1	Dự án A											
8.2	Dự án B											
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn											
9.1	Dự án A											
9.2	Dự án B											
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao											
10.1	Dự án A											
10.2	Dự án B											
III	Nguồn vay nợ nước ngoài											
1	Chi quản lý hành chính											
1.1	Dự án A											
1.2	Dự án B											
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ											
2.1	Dự án A											
2.2	Dự án B											
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề											
3.1	Dự án A											
3.2	Dự án B											
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình											
4.1	Dự án A											
4.2	Dự án B											
5	Chi bảo đảm xã hội											
5.1	Dự án A											
5.2	Dự án B											
6	Chi hoạt động kinh tế											
6.1	Dự án A											
6.2	Dự án B											
7	trường											
7.1	Dự án A											
7.2	Dự án B											
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin											
8.1	Dự án A											
8.2	Dự án B											
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn											
9.1	Dự án A											
9.2	Dự án B											
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao											
10.1	Dự án A											
10.2	Dự án B											







Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình

Chương:

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 293/QĐ-CTHADS ngày 31/12/2020 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>31</b>
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	31
	Phí Thi hành án	31
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>19</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>19</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19
	- Nộp Tổng cục	
	- Để lại đơn vị	19
	- Phí điều hòa	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>12</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>12</b>
	Phí Thi hành án	12
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>5.508</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>5.508</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.508</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.707
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	801
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	



2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

B



